

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 7505
	Giờ.....Ngày 5 tháng 8 năm 11

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống
BỂ CHỨA DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐƯỜNG ống BỂ CHỨA DẦU KHÍ

Số 654, Nguyễn An Ninh, phường 8, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lập Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Cường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Đức	Ủy viên
Ông Hoàng Ngọc Tuyên	Ủy viên
Ông Tô Xuân Mai	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Đức	Giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Tuyên	Phó Giám đốc
Ông Tô Xuân Mai	Phó Giám đốc
Ông Phạm Quốc Trung	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2011)
Ông Mai Đình Bảo	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2011)
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hữu Đức
Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Số: 128 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 22. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 8 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Ngô Trung Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0784/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		680.085.117.851	515.463.716.384
I. Tiền	110	5	2.460.974.075	62.897.348.356
1. Tiền	111		2.460.974.075	62.897.348.356
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		559.048.108.628	289.061.958.387
1. Phải thu khách hàng	131		171.422.725.050	25.977.480.882
2. Trả trước cho người bán	132		227.526.384.838	24.220.579.559
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		155.609.552.128	233.687.795.484
4. Các khoản phải thu khác	135		5.253.656.388	5.940.312.238
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(764.209.776)	(764.209.776)
III. Hàng tồn kho	140	6	114.165.364.655	151.202.539.386
1. Hàng tồn kho	141		114.165.364.655	151.202.539.386
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.410.670.493	12.301.870.255
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.075.727.773	7.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		289.634.029	10.209.551.372
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	3.045.308.691	2.085.318.883
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		73.792.790.995	35.660.898.100
I. Tài sản cố định	220		64.282.918.841	28.968.281.936
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	25.899.124.561	27.201.043.953
- Nguyên giá	222		53.969.004.919	51.704.871.711
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.069.880.358)	(24.503.827.758)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	645.676.763	794.679.089
- Nguyên giá	225		894.013.973	894.013.973
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(248.337.210)	(99.334.884)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	21.882.167	-
- Nguyên giá	228		21.882.167	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	37.716.235.350	972.558.894
II. Tài sản dài hạn khác	260		9.509.872.154	6.692.616.164
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	9.076.661.690	6.179.674.859
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	303.331.464	353.062.305
3. Tài sản dài hạn khác	268		129.879.000	159.879.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		753.877.908.846	551.124.614.484

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		538.741.755.117	327.858.241.449
I. Nợ ngắn hạn	310		537.440.049.919	326.399.341.808
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	20.882.397.408	17.027.080.000
2. Phải trả người bán	312		131.538.223.784	169.889.595.303
3. Người mua trả tiền trước	313		199.136.582.486	118.714.029.685
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	3.723.981.164	3.554.588.047
5. Phải trả người lao động	315		1.349.260.525	8.126.103.060
6. Chi phí phải trả	316	16	7.881.995.334	3.637.059.565
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	172.537.722.674	5.519.259.268
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		389.886.544	(68.373.120)
II. Nợ dài hạn	330		1.301.705.198	1.458.899.641
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	539.291.220	701.771.220
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	13	428.628.083	277.347.583
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		333.785.895	479.780.838
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		215.136.153.729	223.266.373.035
I. Vốn chủ sở hữu	410		215.136.153.729	223.266.373.035
1. Vốn điều lệ	411	19	200.000.000.000	200.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	19	1.105.152.719	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	19	1.163.318.652	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	19	12.867.682.358	23.266.373.035
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		753.877.908.846	551.124.614.484

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	30/06/2011	31/12/2010
Ngoại tệ các loại - USD	268,51	275,11



Nguyễn Hữu Đức
Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011


Đàm Quang Hưng
Quyền Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	344.069.452.312	302.787.246.326
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		344.069.452.312	302.787.246.326
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	311.515.319.305	281.984.979.825
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		32.554.133.007	20.802.266.501
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		329.760.263	1.780.246.750
7. Chi phí tài chính	22		3.036.882.489	2.275.107.963
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.036.882.489	2.260.303.600
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.508.796.252	7.925.010.832
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		18.338.214.529	12.382.394.456
11. Thu nhập khác	31		114.967.327	210.761.532
12. Chi phí khác	32		1.278.422.803	153.873.635
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.163.455.476)	56.887.897
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		17.174.759.053	12.439.282.353
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	4.106.065.354	2.575.692.818
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	201.011.341	572.733.714
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		12.867.682.358	9.290.855.821
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	643	550

Nguyễn Hữu Đức
Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Đàm Quang Hưng
Quyền Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.174.759.053	12.439.282.353
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.071.633.816	3.294.784.250
Các khoản dự phòng	03	(145.994.943)	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(330.207.335)	(1.780.246.750)
Chi phí lãi vay	06	3.036.882.489	2.260.303.600
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	23.807.073.080	16.214.123.453
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(93.202.749.672)	33.863.469.449
Giảm hàng tồn kho	10	37.037.174.731	61.133.415.815
(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.249.303.686)	(141.667.802.945)
Giảm chi phí trả trước	12	818.593.458	120.988.784
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.824.677.396)	(2.260.303.600)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.971.239.049)	(3.134.792.821)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(41.585.128.534)	(35.730.901.865)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.955.661.600)	(5.799.459.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	81.818.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(15.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	329.760.263	972.702.592
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.544.083.155)	(19.826.757.226)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	87.899.666.665
2. Tiền vay ngắn, dài hạn nhận được	33	20.855.317.408	7.595.754.279
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(17.000.000.000)	(66.139.049.288)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(162.480.000)	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.307.162.592)	29.356.371.656
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(60.436.374.281)	(26.201.287.435)
Tiền đầu kỳ	60	62.897.348.356	58.824.640.141
Tiền cuối kỳ	70	2.460.974.075	32.623.352.706

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 32.135.207.289 VND, là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Hữu Đức
Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Đàm Quang Hưng
Quyền Trưởng phòng
Tài chính Kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3500833615 ngày 26 tháng 11 năm 2009 và thay đổi lần thứ hai ngày 09 tháng 06 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 200.000.000.000 VND, được chia thành 20.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 741 (31 tháng 12 năm 2010: 719).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thi công các công trình đường ống, bồn bể chứa;
- Lắp đặt các hệ thống thiết bị công nghệ, hệ thống thiết bị điều khiển, tự động hóa công nghiệp: lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện và các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác;
- Sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình khí (ngoài biển, đất liền), các công trình thi công xây dựng và dân dụng cảng sông, cảng biển, và các công trình công nghiệp khác;
- Kinh doanh đô thị văn phòng; siêu thị và nhà ở;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy đóng tàu, vận tải dầu, khí, hóa chất, nhà máy đóng giàn khoan;
- Đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông;
- Đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê, kè, bến cảng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp khác;
- Đầu tư khai thác mỏ (cát đá,...);
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất;
- Chế tạo thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng, dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ;
- Mua bán thiết bị xây dựng dầu khí;
- Sản xuất các sản phẩm công nghiệp (kho chứa, nhiệt điện, thủy điện,...);
- Vận chuyển dầu và khí hóa lỏng, hóa chất;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty là khảo sát thiết kế và xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và xem xét thận trọng về khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu và tin tưởng rằng Công ty không phải trích lập bổ sung dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2011</u> Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc, thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>2011</u> Số năm
Phương tiện vận tải	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình, thể hiện phần mềm máy tính của Ban điều hành Dự án Xây dựng Công trình Kho chứa LPG lạnh Thị Vải nhận bàn giao từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng làm việc cho dự án tại Tiền Giang, lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển sang công ty cổ phần và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển sang công ty cổ phần phát sinh kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010 với số tiền là 5.186.760.000 VND và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh trong vòng 10 năm. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 10 năm là phù hợp với các quy định về kế toán hiện hành và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty không phải trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình xây lắp mà Công ty thi công.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	2.518.139	135.371.243
Tiền gửi ngân hàng	2.458.455.936	62.761.977.113
	<u>2.460.974.075</u>	<u>62.897.348.356</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.101.345.580	3.442.267.405
Công cụ, dụng cụ	432.558.061	869.757.644
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	110.631.461.014	146.890.514.337
	<u>114.165.364.655</u>	<u>151.202.539.386</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>114.165.364.655</u>	<u>151.202.539.386</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tạm ứng	2.798.591.431	1.905.150.883
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	180.168.000	180.168.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	66.549.260	-
	<u>3.045.308.691</u>	<u>2.085.318.883</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	1.881.020.194	39.179.465.746	5.099.518.717	5.544.867.054	51.704.871.711
Đầu tư, mua sắm mới trong kỳ	-	808.617.888	1.538.574.545	-	2.347.192.433
Nhận bán giao từ Tổng Công ty	-	246.130.835	-	108.759.940	354.890.775
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(437.950.000)	(437.950.000)
Tại ngày 30/06/2011	<u>1.881.020.194</u>	<u>40.234.214.469</u>	<u>6.638.093.262</u>	<u>5.215.676.994</u>	<u>53.969.004.919</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	1.347.190.906	17.355.850.446	2.275.540.777	3.525.245.629	24.503.827.758
Khấu hao trong kỳ	128.870.166	3.035.439.661	441.491.129	316.830.534	3.922.631.490
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(356.578.890)	(356.578.890)
Tại ngày 30/06/2011	<u>1.476.061.072</u>	<u>20.391.290.107</u>	<u>2.717.031.906</u>	<u>3.485.497.273</u>	<u>28.069.880.358</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/06/2011	<u>404.959.122</u>	<u>19.842.924.362</u>	<u>3.921.061.356</u>	<u>1.730.179.721</u>	<u>25.899.124.561</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>533.829.288</u>	<u>21.823.615.300</u>	<u>2.823.977.940</u>	<u>2.019.621.425</u>	<u>27.201.043.953</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.696.765.079 VND (31 tháng 12 năm 2010: 3.267.857.454 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<u>Phương tiện vận tải</u> VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2011	894.013.973
Thuê tài chính trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2011	<u>894.013.973</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2011	99.334.884
Khấu hao trong kỳ	149.002.326
Tại ngày 30/06/2011	<u>248.337.210</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/06/2011	<u>645.676.763</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>794.679.089</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị còn lại của phần mềm máy tính của Ban điều hành Dự án Xây dựng Công trình Kho chứa LPG lạnh nhận bàn giao từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam với số tiền là 21.882.167 VND.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>30/06/2011</u> VND	<u>31/12/2010</u> VND
Tổng số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang	37.716.235.350	972.558.894
<i>Trong đó bao gồm các công trình lớn sau:</i>		
- Trụ sở làm việc tại Trung tâm Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng, thành phố Hồ Chí Minh	35.352.907.200	-
- Nhà máy Sản xuất Bình bồn Dầu khí	2.363.328.150	972.558.894
	<u>37.716.235.350</u>	<u>972.558.894</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2011</u> VND	<u>31/12/2010</u> VND
Lợi thế thương mại	4.451.969.000	4.711.307.000
Chi phí lán trại tạm công nhân tại kho LPG lạnh	3.604.702.000	-
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	1.019.990.690	1.468.367.859
	<u>9.076.661.690</u>	<u>6.179.674.859</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	Phân bổ lợi thế kinh doanh	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2011	353.062.305	(277.347.583)	75.714.722
Chuyển sang lợi nhuận trong kỳ	(49.730.841)	(151.280.500)	(201.011.341)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011	303.331.464	(428.628.083)	(125.296.619)

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính:

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(428.628.083)	(277.347.583)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	303.331.464	353.062.305
	(125.296.619)	75.714.722

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	20.855.317.408	17.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	27.080.000	27.080.000
	20.882.397.408	17.027.080.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư vay ngắn hạn phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 0079/HDTD2-VIB622/10 ngày 5 tháng 5 năm 2010. Khoản vay này rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND, trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được thế chấp bằng quyền đòi nợ phát sinh từ một số hợp đồng thi công xây dựng với khách hàng của Công ty, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân, điều chỉnh 1 tháng/1 lần và được ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, Công ty đã rút tổng số tiền là 27.855.317.408 VND (trong hạn mức 50.000.000.000 VND), chịu lãi suất từ 18%/năm đến 23%/năm, tùy theo từng khế ước nhận nợ.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.602.720.383	3.467.894.078
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.030.234.272	-
Thuế thu nhập cá nhân	91.026.509	86.693.969
	3.723.981.164	3.554.588.047

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Chi phí trích trước của các công trình xây dựng	7.881.995.334	3.014.545.856
Kinh phí phải nộp cấp trên	-	622.513.709
	<u>7.881.995.334</u>	<u>3.637.059.565</u>

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam do nhận bàn giao kho LPG lạnh (*)	166.867.110.545	-
Phải trả cổ tức năm 2010	4.000.000.000	-
Phải trả tiền thuế thu nhập cá nhân thu hộ	1.077.877.340	613.787.232
Kinh phí công đoàn	210.608.159	494.808.770
Phải trả kinh phí cấp trên	-	3.759.915.542
Các khoản phải trả khác	382.126.630	650.747.724
	<u>172.537.722.674</u>	<u>5.519.259.268</u>

(*) Theo Quyết định số 576/QĐ-XLKD ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt phương án giao cho Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí thực hiện dự án Xây dựng công trình Kho chứa LPG lạnh Thị Vải và Hợp đồng xây dựng số 49/2011/HĐKT-XLKD/PVC-PVC PT ngày 4 tháng 7 năm 2011 về việc “quản lý, điều hành, thi công xây dựng các phần việc còn lại của dự án xây dựng công trình Kho chứa LPG lạnh Thị Vải”, Công ty đã nhận bàn giao số dư các khoản “Trả trước cho người bán” tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Ban điều hành Dự án Xây dựng công trình Kho chứa LPG lạnh Thị Vải với số tiền là 166.867.110.545 VND và ghi tăng khoản phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam với số tiền tương ứng.

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Số dư vay và nợ dài hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 với số tiền 539.291.220 VND thể hiện khoản nợ dài hạn thuê tài chính 01 chiếc xe Toyota Camry 2.4G 5 ký với Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACB Leasing) theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 05.07.10/HĐCTTC-DK ngày 9 tháng 8 năm 2010. Giá trị tài sản thuê bằng 998.900.000 VND cộng (+) 100% thuế trước bạ. Công ty trả trước cho ACB Leasing số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 0,3% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê trong 3 tháng đầu tiên là 16%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất cho thuê bằng 5,1%/năm cộng (+) lãi suất tiền gửi tiết kiệm theo niêm yết của Ngân hàng Á Châu tại thời kỳ xác định lãi suất cho thuê tài chính, loại tiền VND, kỳ hạn 13 tháng, lãi cuối kỳ, bậc 2. Thời hạn cho thuê là 36 tháng, kể từ ngày 31 tháng 8 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2010	69.010.575.000	-	-	2.940.780.047
Nhận vốn góp từ các cổ đông	130.989.425.000	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	20.325.592.988
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2011	200.000.000.000	-	-	23.266.373.035
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	12.867.682.358
Phân phối quỹ (*)	-	1.105.152.719	1.163.318.652	(2.268.471.371)
Chia cổ tức trong kỳ (*)	-	-	-	(20.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(997.901.664)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011	200.000.000.000	1.105.152.719	1.163.318.652	12.867.682.358

(*) Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 1.105.152.719 VND;
- Trích quỹ dự phòng tài chính: 1.163.318.652 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 997.901.664 VND;
- Chi trả cổ tức: 20.000.000.000 VND.

Trong kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2011, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức của năm 2010 cho các cổ đông với số tiền là 16.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 09 tháng 6 năm 2011, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 200.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp				
Dầu khí Việt Nam	102.000.000.000	51%	102.000.000.000	102.000.000.000
Các cổ đông khác	98.000.000.000	49%	98.000.000.000	98.000.000.000
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	200.000.000.000

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	343.802.519.063	302.603.423.096
Doanh thu hoạt động khác	266.933.249	183.823.230
	344.069.452.312	302.787.246.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	311.285.255.361	281.824.208.283
Giá vốn hoạt động khác	230.063.944	160.771.542
	311.515.319.305	281.984.979.825

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	17.174.759.053	12.439.282.353
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(551.574.274)	154.423.774
<i>Trừ: Chênh lệch tính thuế của chi phí phân bổ lợi thể kinh doanh</i>	605.122.000	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	53.547.726	154.423.774
Thu nhập chịu thuế	16.623.184.779	12.593.706.127
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.155.796.195	3.148.426.532
Hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(49.730.841)	(572.733.714)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.106.065.354	2.575.692.818

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.867.682.358	9.290.855.821
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.000.000	16.888.097
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	643	550

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Chi phí thuê hoạt động đã được Công ty ghi nhận trong kỳ là 410.304.546 VND, thể hiện:

- Hợp đồng thuê mặt bằng sản xuất với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, cụ thể là thuê 10.000 m² tại số 1738, đường 30/4, khu Phước Cơ, phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê 20.400 đồng/m²/năm, để làm kho và xưởng cơ khí nhỏ, trong thời hạn đến hết ngày 01 tháng 01 năm 2016.

- Hợp đồng kinh tế số 39/HĐKT/PVCPT-HD/2010 ngày 4 tháng 3 năm 2010 thuê trụ sở văn phòng làm việc tại 654 đường Nguyễn An Ninh, phường 8, thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với thời hạn thuê 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2011</u> <u>đến ngày 30/06/2011</u>	<u>Từ ngày 01/01/2010</u> <u>đến ngày 30/06/2010</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	252.904.121.537	2.580.460.196
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	56.429.446.856	23.272.308.563
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	11.414.612.708	6.338.181.818
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	7.799.246.975	109.729.622.607
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	258.106.693	59.332.502.603
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển - PVD	65.227.273	81.813.635
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	57.875.976	57.875.976
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	33.928.080.093
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2	-	7.491.628.009
Ban Quản lý Dự án Đóng mới Giàn khoan	-	36.008.619
Mua hàng, thuê thi công các công trình xây lắp		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	53.721.591.485	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	35.352.907.200	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	25.937.811.818	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	11.328.345.430	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9.188.681.727	-
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí	6.366.757.268	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu Khí	1.680.332.261	-
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	1.354.513.430	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.297.651.152	11.905.587.238
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	597.080.816	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	205.788.879	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	56.615.223	6.870.277.014
Công ty Cổ phần Truyền thông Dầu khí	19.600.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	14.505.726.112
Viện Dầu khí Việt Nam	-	1.111.799.562
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch vụ Dầu Khí Biển -PTSC	-	750.858.513
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	-	498.278.894
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí	-	101.529.634
Các chi phí dịch vụ khác		
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	32.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	91.280.000	84.005.000
Lãi vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	1.168.554.389	809.282.297
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.078.970.473	1.843.573.043
Cổ tức đã trả cho các cổ đông	16.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan như sau :

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	128.797.323.971	2.846.510.715
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	15.679.993.679	4.796.570.775
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	8.005.484.624	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	7.054.256.346	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	5.354.565.000	9.922.558.926
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2	3.807.916.694	-
Ban Quản lý Dự án khí điện đạm Cà Mau	1.432.842.790	1.432.842.790
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	384.965.684	384.965.684
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	63.663.574	2.255.106.211
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển - PVD	26.650.000	57.399.999
Các khoản phải thu khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	2.825.153.905	2.825.153.905
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.023.041.443	2.769.272.825
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	33.888.197.920	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	12.537.797.093	3.915.011.256
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9.592.854.006	5.993.483.717
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4.659.044.954	6.596.768.209
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	3.310.631.511	2.653.842.654
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	1.877.446.950	1.902.242.050
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu Khí	1.848.365.487	385.275.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.681.406.217	10.139.500.833
Công ty TNHH Công nghiệp Khí hóa lỏng Việt Nam	1.564.858.313	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam	1.236.779.723	1.236.779.723
Viện Dầu khí Việt Nam	247.719.406	651.420.934
Công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	209.622.500	-
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2	29.700.000	-
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC	17.600.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	31.151.082.989
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	166.867.110.545	-
Người mua ứng trước		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	139.918.300.029	62.858.713.620
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	5.229.000.000	6.848.420.571
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hoá lỏng Miền Nam	5.576.784.494	5.576.784.494
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.885.510.884	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	870.605.213	870.605.213
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	-	7.486.455.163
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên	-	2.267.564.429
Ban Điều hành Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2	-	1.211.525.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trả trước người bán		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	84.117.647.645	-
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí	35.394.685.102	8.200.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	25.354.586.625	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	20.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	14.590.355.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	8.683.287.600	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	8.597.968.562	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Việt Nam	1.090.742.019	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	20.000.000
Vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	10.000.000.000
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	4.000.000.000	-

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.


27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.



Nguyễn Hữu Đức
Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011


Đàm Quang Hưng
Quyền Trưởng phòng
Tài chính Kế toán